

# **BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán	06-14

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9 , Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	
Bà Phạm Diễm Hoa	Phó Chủ tịch thường trực	
Bà Phạm Thị Lợi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/04/2016
Ông Nguyễn Văn Thu	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 23/04/2016
Ông Ngô Tiến Minh	Ủy viên	
Ông Phạm Đức Long	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Diễm Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tùng	Trưởng ban
Ông Trịnh Công Thắng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Thơm	Ủy viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9 , Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phạm Diễm Hoa**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được lập ngày 19 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 14, đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 - “Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt” và các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngày 31 tháng 12 năm 2016 của đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

### **Chính sách kế toán**

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

### **Vấn đề khác**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall đã lập một bộ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán riêng về báo cáo tài chính đó cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall vào ngày 28/03/2017.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017*

**Đoàn Thị Thúy**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0937-2013-002-1

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
*Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng



Trịnh Công Thắng  
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Phạm Diễm Hoa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**  
Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	503.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)			
5	Quỹ đầu tư phát triển			
6	Quỹ dự phòng tài chính	8.353.605.115		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	20.684.988.384		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)			
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		5.330.148	816.092.460
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>532.849.355.811</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Trả trước cho người bán		66.901.538	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

11001  
CỔ  
HÀCH  
HÀNG  
A  
DANH



## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

### I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>			
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		27.374.997	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>94.276.535</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		44.000.000.000	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		981.860.073	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác		14.000.000.000	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		16.430.198.843	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>			75.412.058.916
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>				457.343.020.360

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

<b>A RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
Các hạng mục đầu tư		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			-
1	Tiền mặt (VND)	0%	2.935.932.739	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	339.444.303.889	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
<b>II</b>	<b>Trái phiếu Chính phủ</b>			-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
<b>III</b>	<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>			-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

A		RỦI RO THỊ TRƯỜNG		
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>IV</b>	<b>Cổ phiếu</b>			<b>21.524.188.737</b>
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	12.392.597.370	1.239.259.737
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	145.000	29.000
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	40.569.800.000	20.284.900.000
<b>V</b>	<b>Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			<b>-</b>
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	14%	-	-
<b>VI</b>	<b>Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			<b>165.000</b>
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	330.000	165.000
<b>VII</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>29.768.406.746</b>
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	37.210.508.432	29.768.406.746
18	Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
<b>I</b>	<b>Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)</b>			<b>-</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>			<b>51.292.760.483</b>

TRÁI HẠN  
KHOẢN

84  
3N  
01  
VG  
0  
DA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,

Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

B	RỦI RO THANH TOÁN	Giá trị rủi ro				Tổng giá trị rủi ro	
		(1)	(2)	(3)	(4)		(5)
<b>I</b>	<b>Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>						20.366.658.233
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	20.366.658.233	-
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>						
	<b>Thời gian quá hạn</b>						
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					16%	-
2	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					32%	-
3	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					48%	-
4	Từ 60 ngày trở đi					100%	-
							Quy mô rủi ro
							Giá trị rủi ro

12  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
KIỂM TOÁN  
AS

11.1 W X P G 1.11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

III	Rủi ro tăng thêm (nếu có)			6.109.997.470
	Chi tiết từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hàng Đậu	30%	339.444.303.889	6.109.997.470
B	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>			<b>26.476.655.703</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà NộiBáo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

C	RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)	Giá trị rủi ro
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	33.872.192.675
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(6.202.296.899)
	1. Chi phí khấu hao	813.083.961
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(7.013.225.267)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(12.155.593)
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	10.000.000
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	40.074.489.574
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	10.018.622.394
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	60.000.000.000
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	137.769.416.186

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	51.292.760.483	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	26.476.655.703	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	137.769.416.186	
5	Vốn khả dụng	457.343.020.360	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	331,96%	


Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng

Trịnh Công Thắng  
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộPhạm Diễm Hoa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

